

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TƯ PHÁP**



**HỎI - ĐÁP
PHÁP LUẬT VỀ THỰC HIỆN
DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ**

Bắc Giang, năm 2020

LỜI NÓI ĐẦU

Pháp luật về dân chủ ở cơ sở là những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện, điều chỉnh những quan hệ phát sinh giữa Nhà nước, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, tổ chức kinh tế và công dân. Nội dung pháp luật về dân chủ ở cơ sở là sự cụ thể hóa các quyền, các giá trị của dân chủ đã được quy định trong Hiến pháp. Đó là các quyền về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quyền của nhân dân lao động được tham gia vào quản lý Nhà nước, quyền tự do ngôn luận, quyền được thông tin, quyền của nhân dân được kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy và cán bộ công chức Nhà nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng nêu rõ: dân chủ ở cơ sở thực chất là vấn đề “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”. Quan điểm chỉ đạo này đã được cụ thể hóa và đưa vào nhiều văn bản pháp luật của Nhà nước và văn bản của các tổ chức chính trị xã hội. Quy định về dân chủ ở cơ sở trong Hiến pháp và Pháp luật là nhằm đảm bảo vấn đề thực hiện dân chủ của người dân ở địa phương - cấp xã; trong cơ quan hành chính nhà nước, trong các đơn vị sự nghiệp công lập và trong các doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng lao động.

Để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang biên soạn và phát hành cuốn sách “*Hỏi - Đáp pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở*”.

Cuốn tài liệu gồm 03 phần:

Phần thứ nhất: Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn

Phần thứ hai: Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

Phần thứ ba: Thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc

Trong quá trình biên soạn tài liệu không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự trao đổi, chia sẻ và góp ý của quý bạn đọc để Ban biên tập hoàn chỉnh tài liệu, phục vụ tốt nhất cho nhân dân.

Sở Tư pháp trân trọng giới thiệu!

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG

Phần thứ nhất

THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Câu 1. Việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn phải theo nguyên tắc nào?

Trả lời:

Điều 2 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn phải theo các nguyên tắc sau đây:

- Bảo đảm trật tự, kỷ cương, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

- Bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước.

Câu 2. Những hành vi nào bị nghiêm cấm theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn?

Trả lời:

Điều 4 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định các hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm:

- Không thực hiện hoặc làm trái các quy định về thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cấp xã.

- Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cấp xã để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Câu 3. Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung nào Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện công khai?

Trả lời:

Nhằm phát huy dân chủ, thực hiện chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã quy định rõ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện công khai những nội dung thực sự cần thiết và ảnh hưởng trực tiếp tới người dân, cụ thể tại Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn như sau:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế và dự toán, quyết toán ngân sách hằng năm của cấp xã (khoản 1).

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái

định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã (khoản 2).

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân (khoản 3).

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp (khoản 4).

- Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế (khoản 5).

- Đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới cấp xã (khoản 6).

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (khoản 7).

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã mà chính quyền cấp xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (khoản 8).

- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu (khoản 9).

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện (khoản 10).

- Những nội dung khác theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết (khoản 11).

Câu 4. Những nội dung phải công khai được thực hiện bằng hình thức nào?

Trả lời:

Điều 6 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định những nội dung phải công khai được thực hiện bằng các hình thức sau:

- Niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã.

- Công khai thông qua Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân.

Câu 5. Những nội dung công khai nào được thực hiện bằng hình thức niêm yết và thời gian niêm yết những nội dung đó?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 7 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định những nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 9 và khoản 10 của Điều 5 Pháp lệnh thực

hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn phải được niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định: Chính quyền cấp xã có trách nhiệm niêm yết những nội dung nêu trên chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua và thời gian niêm yết các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 9 Điều 5 của Pháp lệnh ít nhất là ba mươi ngày liên tục, kể từ ngày niêm yết; các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 10 Điều 5 của Pháp lệnh được niêm yết thường xuyên.

Câu 6. Việc công khai trên hệ thống truyền thanh và thông qua Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân được Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định như thế nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung quy định tại khoản 1, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 11 Điều 5 của Pháp lệnh được công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã hoặc gửi đến Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến Nhân dân.

- Chính quyền cấp xã có trách nhiệm công khai những nội dung trên chậm nhất là hai ngày, kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của chính quyền cấp xã hoặc kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên.

Trường hợp công khai trên hệ thống truyền thanh của cấp xã thì thời hạn công khai là ba ngày liên tục.

Câu 7. Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gì trong tổ chức thực hiện các nội dung công khai?

Trả lời:

Điều 9 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong tổ chức thực hiện các nội dung công khai như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung công khai, trong đó nêu rõ cách thức triển khai thực hiện, thời gian thực hiện và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, phương án đã được thông qua.

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

Câu 8. Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định như thế nào về nội dung và hình thức Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp?

Trả lời:

- Điều 10 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định những nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp bao gồm: Chủ trương và mức đóng góp xây

dụng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về hình thức Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp được quy định tại Điều 11 Pháp lệnh như sau:

+ Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

+ Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Đối với các công việc trong phạm vi xã, phường, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng

số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã thì tổ chức lại cuộc họp.

Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Câu 9. Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định như thế nào về giá trị thi hành đối với những việc Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp?

Trả lời:

Điều 12 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp như sau:

- Những nội dung quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn khi đưa ra Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã tán thành thì có giá trị thi hành.

- Nhân dân có trách nhiệm tham gia bàn và quyết định các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

- Chính quyền cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành trong việc thực hiện những quyết định đã có giá trị thi hành.

Như vậy, những nội dung Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp chỉ có giá trị thi hành khi có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố hoặc trong toàn cấp xã tán thành.

Câu 10. Những nội dung nào nhân dân được bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định?

Trả lời:

Điều 13 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định những nội dung sau nhân dân được bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định:

- Hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.
- Bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Câu 11. Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định hình thức Nhân dân bàn, biểu quyết như thế nào?

Trả lời:

Điều 14 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định những nội dung Nhân dân bàn và biểu bằng một trong các hình thức sau đây:

- Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

- Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Đối với các công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Đối với các công việc trong phạm vi xã, phường, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để quyết định lựa chọn một trong các hình thức tổ chức họp thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định; nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì tổ chức lại cuộc họp.

Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, trừ việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Câu 12. Giá trị thi hành đối với những việc Nhân dân bàn, biểu quyết được Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 15 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định về giá trị thi hành đối với những việc Nhân dân bàn, biểu quyết như sau:

- Đối với hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công nhận.

- Đối với việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành thì có giá trị thi hành sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận.

- Đối với việc bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã công nhận.

Câu 13. Để hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố được công nhận thì phải làm thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn để hương ước, quy ước

của thôn, tổ dân phố được công nhận thì phải thực hiện những thủ tục sau:

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả việc Nhân dân bàn, biểu quyết.

- Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, ra quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Câu 14. Công tác chuẩn bị hội nghị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 6 Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN (sau đây gọi là Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn) thì công tác chuẩn bị hội nghị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như sau:

- Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn,

Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

- Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1- 2 người).

- Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất 7 ngày trước ngày bầu cử.

Câu 15. Trình tự thực hiện việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì trình tự thực hiện bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như sau:

- Tổ trưởng tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử.

- Tổ trưởng tổ bầu cử quyết định việc để Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đương nhiệm báo cáo kết quả công tác nhiệm kỳ vừa qua trước hội nghị cử tri; hội nghị cử tri thảo luận về công tác nhiệm kỳ vừa qua của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Tổ trưởng tổ bầu cử nêu tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử và Chi uỷ Chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy trình quy định tại khoản 2 Điều 6 của Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với Chi uỷ Chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1- 2 người)). Tại hội nghị này, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử.

- Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, Tổ bầu cử ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng và danh sách những người ứng cử được thực

hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành;

- Tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

+ Việc bầu cử có thể bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định.

+ Nếu bầu bằng hình thức giơ tay, Tổ bầu cử trực tiếp đếm số biểu quyết. Nếu bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín, Tổ bầu cử làm nhiệm vụ kiểm phiếu.

+ Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri tham gia hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố.

Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố.

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử.

- Tổ trưởng tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, kèm theo Biên bản kiểm phiếu

gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Câu 16. Trường hợp kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì phải làm như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định trong trường hợp kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục như bầu lần đầu.

Câu 17. Việc công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Điều 9 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định việc công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện như sau:

- Người chủ trì cuộc họp thôn, tổ dân phố có trách nhiệm lập biên bản, báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 18. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được miễn nhiệm trong trường hợp nào? Trình tự, thủ tục miễn nhiệm được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác.

- Thủ tục, trình tự tổ chức việc miễn nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 10 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn như sau:

+ Người xin miễn nhiệm phải có đơn, trong đó nêu rõ lý do của việc xin miễn chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được điều động làm công tác khác thì không cần có đơn xin miễn nhiệm.

+ Việc miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện tại hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố. Trường ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

+ Trình tự hội nghị miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố:

+ + Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị, nêu lý do, yêu cầu của hội nghị.

+ + Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày lý do của việc xin miễn nhiệm.

+ + Hội nghị thảo luận, đánh giá quá trình hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

+ + Hội nghị tiến hành biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do

hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

+ + Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, miễn nhiệm.

+ Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét, ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Câu 19. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố bị bãi nhiệm trong trường hợp nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được Nhân dân tín

nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, vi phạm pháp luật và các quy định của cấp trên thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc của ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị thì Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Câu 20. Trình tự hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì Hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự và được thực hiện theo trình tự như sau:

- Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị.

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến.

- Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người để làm nhiệm vụ.

Trường hợp có trên 50% so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thì Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập biên bản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, bãi nhiệm.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố của Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ra quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ

trưởng tổ dân phố mới; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ra quyết định công nhận kết quả bầu nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận kết quả bầu nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Câu 21. Việc công nhận kết quả bầu, bầu nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện như thế nào theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ xã, phường, thị trấn?

Trả lời:

Khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định việc công nhận kết quả bầu, bầu nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện như sau:

- Người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm báo cáo ngay với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã kết quả bầu, bầu nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải xem xét, công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Câu 22. Để các quy định của pháp luật về những nội dung Nhân dân bàn và quyết định có hiệu lực và được thực hiện có hiệu quả thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm như thế nào?

Trả lời:

Điều 17 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức thực hiện những nội dung nhân dân bàn và quyết định như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập, thông qua kế hoạch thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện; chỉ đạo Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm lập biên bản tổng hợp kết quả về những nội dung đã đưa ra nhân dân toàn cấp xã bàn và quyết định; tổ chức triển khai thực hiện những nội dung đã được nhân dân quyết định; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung nhân dân bàn và quyết định tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

Câu 23. Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ xã, phường, thị trấn thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm gì trong việc tổ chức thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định?

Trả lời:

Điều 18 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định trách nhiệm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong việc tổ chức thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định như sau:

- Chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để nhân dân thực hiện những nội dung quy định tại Điều 10, khoản 1 và khoản 3 Điều 13 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

- Lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố.

- Lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tổ chức thực hiện những công việc trong phạm vi thôn, tổ dân phố đã được Nhân dân quyết định.

Câu 24. Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung nào được Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung sau Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định:

- Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của cấp xã.

- Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của cấp xã.

- Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn cấp xã; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến cấp xã.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chính quyền cấp xã thấy cần thiết.

Câu 25. Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện bằng hình thức nào?

Trả lời:

Điều 20 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định các hình thức để Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, gồm:

- Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố.

- Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- Thông qua hòm thư góp ý.

Câu 26. Hình thức họp thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến Nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 15 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố để tổ chức họp thôn, tổ dân phố lấy ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của Nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định. Trình tự tổ chức cuộc họp thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký.

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày những nội dung cần lấy ý kiến theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã, của cơ quan có thẩm quyền.

- Những người tham gia cuộc họp phát biểu ý kiến, kiến nghị của mình về những nội dung đưa ra lấy ý kiến. Người đại diện cho cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm giải trình về những ý kiến của người dự họp. Thư ký cuộc họp ghi đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của những người dự họp và ý kiến giải trình của người đại diện cơ quan có thẩm quyền. Tùy theo từng nội dung cụ thể và theo sự hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã mà cuộc họp có thể tiến hành việc biểu quyết đồng ý hay không đồng ý về những nội dung đưa ra lấy ý kiến Nhân dân.

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị, kết quả biểu quyết (nếu có) của những người tham gia cuộc họp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 27. Hình thức phát phiếu lấy ý kiến nhân dân để lấy ý kiến nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 16 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt

trận thôn, tổ dân phố tổ chức việc phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình để cho ý kiến về những việc liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Trình tự tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện như sau:

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến, chuẩn bị mẫu phiếu lấy ý kiến theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của cơ quan có thẩm quyền; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 3 đến 5 người.

- Tổ phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình để phát phiếu cho cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình; tiến hành lấy phiếu của các cử tri đã góp ý và tổng hợp kết quả góp ý.

- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm tổng hợp tất cả các ý kiến, kiến nghị của những người tham gia vào phiếu lấy ý kiến, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 28. Hình thức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý để lấy ý kiến Nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 17 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức

lấy ý kiến Nhân dân thông qua hòm thư góp ý; gửi các hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Trường thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để phổ biến các nội dung lấy ý kiến đến Nhân dân; hướng dẫn địa điểm các hòm thư để người dân đóng góp ý kiến.

Thời gian để tổ chức lấy ý kiến Nhân dân thông qua hòm thư góp ý ít nhất là 15 ngày liên tục, tính từ ngày niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến tại trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã đến ngày kết thúc việc lấy ý kiến.

Trong thời gian tổ chức lấy ý kiến Nhân dân thông qua hòm thư góp ý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải niêm yết các nội dung cần lấy ý kiến, các hồ sơ, tài liệu liên quan tại trụ sở Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, tuyên truyền, phổ biến trên hệ thống loa truyền thanh. Thời gian niêm yết và phổ biến trên hệ thống truyền thanh thực hiện liên tục trong thời gian tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân thông qua hòm thư góp ý; lập biên bản xác nhận kết quả và thông báo bằng văn bản đến các Trường thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

Câu 29. Việc tiếp thu các ý kiến đóng góp thông qua các hình thức tham gia của Nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 18 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì việc tiếp thu các ý kiến đóng góp thông qua các hình thức tham gia của Nhân

dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến Nhân dân cho cơ quan có thẩm quyền.

- Cơ quan có thẩm quyền sau khi nhận được báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến Nhân dân, phải xem xét tiếp thu và báo cáo kết quả của việc tiếp thu cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến Nhân dân.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung quy định tại Điều 19 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn khác với ý kiến đa số của nhân dân đã góp ý thì phải nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Văn bản giải trình phải gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến nhân dân.

Câu 30. Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định những nội dung nào nhân dân được giám sát và hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại Điều 23 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung Nhân dân được giám sát bao gồm:

+ Những nội dung công khai quy định tại Điều 5 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

+ Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp tại Điều 10 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

+ Những nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết tại Điều 13 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

+ Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến tại Điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

- Điều 24 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định việc giám sát của Nhân dân thông qua các hình thức sau:

+ Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Trình tự, thủ tục hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của Nhân dân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Câu 31. Người dân có được tham gia lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 26 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì hai năm một lần trong mỗi nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức lấy phiếu tín

nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thành phần tham gia lấy phiếu tín nhiệm gồm các thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên Ban thường vụ của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Trưởng ban giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố.

Như vậy, theo quy định trên thì người dân không được tham gia lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Câu 32. Thời hạn lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 20 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì việc lấy phiếu tín nhiệm lần đầu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện sau hai năm, kể từ ngày các chức danh này được Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu; việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm lần thứ hai trong nhiệm kỳ đó được tiến hành sau hai năm kế tiếp, kể từ ngày lấy phiếu tín nhiệm lần đầu.

Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bầu

bổ sung trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã, nếu thời gian giữ chức vụ trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân cấp xã chưa đủ hai năm thì không tiến hành lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ này.

Trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được bầu trong hai nhiệm kỳ liên tiếp, việc lấy phiếu tín nhiệm trong nhiệm kỳ thứ hai được thực hiện sau hai năm, kể từ ngày được bầu trong nhiệm kỳ thứ hai.

Câu 33. Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 22 Hướng dẫn Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu chính thức tham dự và được thực hiện theo trình tự như sau:

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ tọa hội nghị lấy phiếu tín nhiệm. Đại diện Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung hội nghị; giới thiệu người đề hội nghị bầu thư ký trong số đại biểu chính thức tham gia hội nghị; thư ký thực hiện nhiệm vụ khi có trên 50% đại biểu chính thức tham dự hội nghị biểu quyết tán thành.

- Người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm trình bày bản kiểm điểm trước hội nghị và được phát biểu giải trình những vấn đề do các đại biểu tham dự hội nghị nêu ra. Nếu người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm không thể tham dự hội nghị thì việc đọc bản kiểm điểm sẽ do Chủ toạ hội nghị quyết định.

- Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đọc bản tổng hợp ý kiến đóng góp của cử tri và nhân dân ở các thôn, tổ dân phố.

- Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến vào bản kiểm điểm của những người được lấy phiếu tín nhiệm.

- Hội nghị tiến hành bỏ phiếu tín nhiệm. Trước khi bỏ phiếu tín nhiệm, hội nghị bầu Tổ kiểm phiếu từ 3 đến 5 người là đại biểu chính thức dự hội nghị. Tổ kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ khi có trên 50% số đại biểu chính thức tham dự hội nghị tán thành.

Tổ kiểm phiếu hướng dẫn thủ tục bỏ phiếu tín nhiệm, phát phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số đại biểu chính thức được mời; số đại biểu chính thức tham dự hội nghị; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ phiếu tín nhiệm và không tín nhiệm của từng người được đưa ra lấy phiếu tín nhiệm so với số đại biểu chính thức tham dự hội nghị.

- Thông qua biên bản hội nghị lấy phiếu tín nhiệm.

Phần thứ hai
THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG
CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC,
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Câu 34. Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập là gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Nghị định số 04/2015/NĐ-CP) thì việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) là việc thực hiện dân chủ trong nội bộ cơ quan, đơn vị; dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Dân chủ trong nội bộ cơ quan, đơn vị bao gồm: Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện dân chủ trong hoạt động nội bộ của cơ quan, đơn vị; những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết; những việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến, người đứng đầu cơ quan quyết định; những việc cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra.

- Dân chủ trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan tổ chức có liên quan bao gồm: Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đơn vị và của cán bộ, công chức, viên chức trong quan hệ và giải quyết công việc với công dân, cơ quan, tổ chức có liên quan; quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan cấp trên và với cơ quan cấp dưới.

Câu 35. Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị nhằm mục đích gì?

Trả lời:

Điều 2 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định mục đích thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị nhằm:

- Phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là công bộc của Nhân dân, có đủ phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển và đổi mới của đất nước.

- Phòng ngừa, ngăn chặn và chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, phiến hà, sách nhiễu Nhân dân.

Câu 36. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm gì trong việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị?

Trả lời:

Điều 4 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị như sau:

- Thực hiện dân chủ trong quản lý và điều hành hoạt động của cơ quan, đơn vị; trong quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ, hàng tháng, hàng quý và 6 tháng để đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phải thực hiện trong thời gian tới của cơ quan, đơn vị. Cuối năm, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải tổ chức đánh giá tổng kết hoạt động của cơ quan, đơn vị tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 5 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP.

- Tổ chức đánh giá định kỳ hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 45 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức và Điều 37 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (*hiện nay Điều 45 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP và Điều 37 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP đã bị bãi bỏ, việc đánh giá*

định kỳ hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện theo quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức).

- Lắng nghe ý kiến phản ánh, phê bình của cán bộ, công chức, viên chức. Khi cán bộ, công chức, viên chức đăng ký được gặp và có nội dung, lý do cụ thể thì bố trí thời gian thích hợp để gặp và trao đổi.

- Thông báo công khai đề cán bộ, công chức, viên chức biết những việc được quy định tại Điều 7 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP.

- Ban hành quy chế quản lý trang thiết bị làm việc trong cơ quan, đơn vị bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm; sử dụng tiết kiệm kinh phí được cấp; thực hiện các quy định về công khai tài chính. Việc mua sắm thiết bị, phương tiện và các tài sản của cơ quan, đơn vị phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

-Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tham nhũng; xử lý và tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý người có hành vi tham nhũng; nếu thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo việc cung cấp đầy đủ, kịp thời những thông tin, tài liệu, cách thức tổ chức thực hiện, trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm giải trình những nội dung công việc trong cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 7, Điều 9 của Nghị

định số 04/2015/NĐ-CP, trừ những tài liệu mật theo quy định của pháp luật.

- Xem xét, giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức và kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị; kịp thời báo cáo với cơ quan có thẩm quyền những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

- Kịp thời xử lý người có hành vi cản trở việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị và người có hành vi trả thù, trù dập cán bộ, công chức, viên chức khiếu nại, tố cáo, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Câu 37. Những nội dung, công việc nào được tổ chức tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của cơ quan, đơn vị?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định những nội dung, công việc sau được tổ chức tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi là Hội nghị) :

- Kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức trước đó và những quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; đánh giá, tổng kết và kiểm điểm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch công tác hàng năm; thảo luận, bàn

biện pháp thực hiện kế hoạch công tác năm tới của cơ quan, đơn vị.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị lắng nghe ý kiến đóng góp, phê bình của cán bộ, công chức, viên chức; giải đáp những thắc mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức.

- Thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; phát động phong trào thi đua và ký kết giao ước thi đua giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tổ chức công đoàn.

- Bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

- Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị báo cáo công tác; bầu Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Khen thưởng cá nhân, tập thể của cơ quan, đơn vị có thành tích trong công tác.

Câu 38. Nguyên tắc tổ chức Hội nghị trong cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 2 Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Thông tư số 01/2016/TT-BNV) quy định nguyên tắc tổ chức Hội nghị về thực hiện dân chủ như sau:

- Hội nghị là hình thức dân chủ trực tiếp để cán bộ, công chức, viên chức tham gia quản lý, xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

- Hội nghị được tổ chức dân chủ, thiết thực, bảo đảm các nội dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP.

- Hội nghị được tổ chức hợp lệ khi có ít nhất 2/3 cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị hoặc ít nhất 2/3 đại biểu được triệu tập có mặt dự hội nghị. Nghị quyết, quyết định của hội nghị được thông qua khi có trên 50% số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật.

Câu 39. Ai là người chủ trì Hội nghị? thành phần tham dự Hội nghị được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Công đoàn cơ quan, đơn vị tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị mỗi năm một lần vào cuối năm. Khi có một phần ba cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị hoặc Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị yêu cầu hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị thấy cần thiết thì triệu tập hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, của cơ quan, đơn vị bất thường.

- Điều 4 Thông tư số 01/2016/TT-BNV quy định thành phần tham dự Hội nghị như sau:

+ Đối với cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức từ 200 người trở xuống thì toàn thể cán bộ, công chức, viên chức tham dự Hội nghị.

+ Đối với cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức trên 200 người; hoặc có từ 200 người trở xuống nhưng làm việc phân tán trên địa bàn rộng hoặc vì lý do nghiệp vụ không thể bỏ vị trí làm việc thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị thống nhất với công đoàn cơ quan, đơn vị quyết định thành phần tham dự Hội nghị là toàn thể cán bộ, công chức, viên chức hoặc đại biểu theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 01/2016/TT-BNV cho phù hợp với đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị.

+ Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, khi tổ chức hội nghị có thể mời người đứng đầu và đại diện Ban chấp hành công đoàn của các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp cục, tổng cục và tương đương nếu cần thiết.

Câu 40. Công tác chuẩn bị tổ chức Hội nghị trong cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại Điều 6 Thông tư số 01/2016/TT-BNV quy định công tác chuẩn bị tổ chức hội nghị như sau:

- Hợp trù bị (khoản 1 Điều 6):

+ Người đứng đầu cơ quan, đơn vị triệu tập hợp trù bị để thống nhất chủ trương, thông qua kế hoạch, mục tiêu, nội dung Hội nghị; dự kiến thời gian tổ chức Hội nghị; dự kiến số lượng đại biểu triệu tập và phân bổ cho từng đơn vị bảo đảm cơ cấu, thành phần công bằng, hợp lý nếu là hội nghị

triệu tập đại biểu. Thành phần dự họp là đại diện của cấp tổ chức Hội nghị, gồm: Người đứng đầu, Bí thư cấp ủy, Chủ tịch công đoàn, thủ trưởng một số đơn vị có liên quan (điểm a khoản 1 Điều 6).

+ Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chuẩn bị các văn bản, báo cáo sau: Báo cáo kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; báo cáo kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết hội nghị trước đó và những quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; đánh giá, tổng kết và kiểm điểm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kế hoạch công tác năm (điểm b khoản 1 Điều 6).

+ Ban chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị chuẩn bị văn bản, báo cáo sau: Báo cáo tổng kết phong trào thi đua; nội dung xét khen thưởng và dự kiến nội dung phong trào thi đua năm tiếp theo; dự thảo bản giao ước thi đua; báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và chương trình công tác, hoạt động của thanh tra nhân dân năm tiếp theo; dự kiến nhân sự bầu hoặc bầu bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật (nếu có) (điểm c khoản 1 Điều 6).

+ Ngoài các văn bản, báo cáo nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thống nhất với công đoàn cơ quan, đơn vị quyết định các nội dung công khai tại hội nghị hoặc những nội dung lấy ý kiến cán bộ, công chức, viên chức tại hội nghị theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP (điểm d khoản 1 Điều 6).

- Tổ chức lấy ý kiến cán bộ chủ chốt và triệu tập Hội nghị:

+ Nội dung lấy ý kiến: Dự kiến số lượng đại biểu triệu tập và phân bổ cho các đơn vị, thời gian tổ chức hội nghị và dự thảo các văn bản, báo cáo nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6.

+ Thành phần lấy ý kiến là đại diện của cấp tổ chức hội nghị, gồm: Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, Ban thường vụ công đoàn (hoặc Ban chấp hành công đoàn nếu không có Ban thường vụ công đoàn), Bí thư cấp ủy, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (nếu có), Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có), Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công hoặc cán bộ phụ trách ban nữ công, người đứng đầu các đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị.

+ Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị tổng hợp, tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo các văn bản, báo cáo để lấy ý kiến tại hội nghị của các đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 6; quyết định triệu tập Hội nghị.

- Tiến hành Hội nghị tại các đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị: Người đứng đầu các đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Chủ tịch công đoàn cùng cấp tổ chức hội nghị tại đơn vị mình để tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm, phương hướng nhiệm vụ năm tiếp theo; việc triển khai những quy định về thực hiện dân chủ tại đơn vị; thảo luận, cho ý kiến đối với dự thảo các văn bản, báo cáo được gửi xin ý kiến; bầu đại biểu dự hội nghị của cơ

quan, đơn vị; bình xét khen thưởng; kiến nghị, đề xuất (khoản 3 Điều 6).

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, công đoàn cơ quan, đơn vị căn cứ kết quả Hội nghị tại các đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị để tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh các văn bản, báo cáo đưa ra hội nghị của cơ quan, đơn vị.

Câu 41. Công tác tổ chức Hội nghị trong cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 7 Thông tư số 01/2016/TT-BNV quy định công tác tổ chức Hội nghị như sau:

- Đoàn chủ tịch và thư ký Hội nghị:

+ Đoàn chủ tịch gồm người đứng đầu cơ quan, đơn vị và Chủ tịch công đoàn cơ quan, đơn vị. Tùy theo tính chất, yêu cầu cần thiết mà Đoàn chủ tịch có Bí thư cấp ủy cơ quan, đơn vị.

Trường hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc Chủ tịch công đoàn cơ quan, đơn vị đang trong thời gian thi hành kỷ luật hình thức từ khiển trách trở lên, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị hoặc Ban thường vụ công đoàn cơ quan, đơn vị (hoặc Ban chấp hành công đoàn nếu không có Ban thường vụ công đoàn) cử đại diện tham gia Đoàn chủ tịch.

+ Thư ký Hội nghị do Đoàn chủ tịch cử và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Đoàn chủ tịch.

- Nội dung Hội nghị:

+ Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Chủ tịch công đoàn cơ quan, đơn vị trình bày các văn bản, báo cáo theo phân công tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư số 01/2016/TT-BNV.

+ Cán bộ, công chức, viên chức dự Hội nghị thảo luận các văn bản, báo cáo; đề xuất, kiến nghị (nếu có).

+ Người đứng đầu, Chủ tịch công đoàn giải đáp thắc mắc, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức đối với các nội dung thuộc thẩm quyền, bàn các biện pháp cải tiến điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

+ Trưởng ban Thanh tra nhân dân trình bày báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân trong năm và chương trình công tác năm tiếp theo.

+ Bầu mới hoặc kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân (nếu có).

+ Thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị (nếu có).

+ Tổ chức khen thưởng cá nhân, tập thể của cơ quan, đơn vị có thành tích trong công tác; phát động phong trào thi đua.

+ Ký kết giao ước thi đua giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với tổ chức công đoàn.

+ Thông qua nghị quyết Hội nghị.

Câu 42. Việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội nghị trong cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 8 Thông tư số 01/2016/TT-BNV quy định tổ chức thực hiện nghị quyết Hội nghị như sau:

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết hội nghị; cử đầu mối để phối hợp, theo dõi, đề xuất xử lý kịp thời những phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Định kỳ 6 tháng một lần, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết hội nghị; thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

Câu 43. Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 11 Thông tư số 01/2016/TT-BNV quy định việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị như sau:

- Căn cứ quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP và Thông tư số 01/2016/TT-BNV, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với công đoàn cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình; định kỳ hằng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị theo quy định.

Câu 44. Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm như thế nào đối với việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị?

Trả lời:

Điều 6 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định cán bộ, công chức, viên chức có những trách nhiệm sau trong việc thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị:

- Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời; thực hiện các quy định về nghĩa vụ, đạo đức, văn hóa giao tiếp, quy tắc ứng xử, nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp và những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người phụ trách trực tiếp và trước người đứng đầu trong cơ quan, đơn vị về việc thi hành nhiệm vụ của mình. Trong khi thi hành công vụ, cán bộ, công chức được trình bày ý kiến, đề xuất việc giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình khác với ý kiến của người phụ trách trực tiếp, nhưng vẫn phải chấp hành sự chỉ đạo và hướng dẫn của người phụ trách trực tiếp, đồng thời có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo

lên cấp có thẩm quyền. Đối với viên chức được quyền từ chối thực hiệncông việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật, được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện phê bình và tự phê bình nghiêm túc, phát huy ưu điểm, có giải pháp sửa chữa khuyết điểm; thẳng thắn đóng góp ý kiến để xây dựng nội bộ cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

- Đóng góp ý kiến vào việc xây dựng các văn bản, đề án của cơ quan, đơn vị khi được yêu cầu.

- Báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Câu 45. Những việc gì phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết?

Trả lời:

Điều 7 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết bao gồm:

- Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.

- Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý, hàng tháng của cơ quan, đơn vị.

- Kinh phí hoạt động hàng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác; quyết toán kinh phí hàng năm của cơ quan, đơn vị; tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị; kết quả kiểm toán.

- Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc của viên chức; đi công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại công chức, viên chức; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức; các đề án, dự án và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị.

- Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đã được kết luận; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

- Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

- Kết quả tiếp thu ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đưa ra lấy kiến cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

- Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.

Câu 46. Những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết được thực hiện bằng hình thức nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP thì cơ quan, đơn vị căn cứ vào đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung phải công khai có

thể áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức công khai sau đây:

- Niêm yết tại cơ quan, đơn vị.
- Thông báo tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị.
- Thông báo bằng văn bản gửi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.
- Thông báo cho người phụ trách các bộ phận của cơ quan, đơn vị và yêu cầu họ thông báo đến cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các bộ phận đó.
- Thông báo bằng văn bản đến cấp ủy trực tiếp, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị.
- Đăng trên trang thông tin nội bộ của cơ quan, đơn vị.

Câu 47. Những việc gì cán bộ, công chức, viên chức được tham gia ý kiến?

Trả lời:

Điều 9 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định về những việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến bao gồm:

- Chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị.
- Kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.
- Tổ chức phong trào thi đua của cơ quan, đơn vị.
- Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan, đơn vị.

- Các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động và lề lối làm việc; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, phiền hà, sách nhiễu nhân dân.

- Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; bầu cử, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức.

- Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

Câu 48. Cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến bằng hình thức nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP thì cơ quan, đơn vị căn cứ vào đặc điểm, tính chất hoạt động và nội dung tham gia ý kiến để áp dụng một trong ba hình thức tham gia ý kiến sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến trực tiếp hoặc tham gia ý kiến thông qua người đại diện với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

- Phát phiếu hỏi ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo văn bản đề cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến.

Câu 49. Những việc gì cán bộ, công chức, viên chức được giám sát, kiểm tra?

Trả lời:

Điều 11 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định về việc cán bộ, công chức, viên chức giám sát, kiểm tra như sau:

- Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị.

- Sử dụng kinh phí hoạt động, chấp hành chính sách, chế độ quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ cơ quan, đơn vị.

Câu 50. Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện giám sát, kiểm tra bằng hình thức nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP thì cơ quan, đơn vị đề cán bộ, công chức, viên chức thực hiện giám sát, kiểm tra thông qua ba hình thức sau:

- Thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân của cơ quan, đơn vị.

- Thông qua kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình trong các cuộc họp định kỳ của cơ quan, đơn vị.

- Thông qua hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị.

Câu 51. Mọi quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp trên được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 15 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp trên như sau:

- Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

- Phản ánh những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; kiến nghị cơ quan, đơn vị cấp trên những vấn đề không phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung trong các chế độ, chính sách, các quy định của pháp luật và trong chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị cấp trên.

- Tham gia đóng góp ý kiến, phê bình đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị cấp trên; có trách nhiệm nghiên cứu, tham gia ý kiến vào các dự thảo về chế độ, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị cấp trên yêu cầu.

- Báo cáo cơ quan, đơn vị cấp trên tình hình công tác của cơ quan, đơn vị mình theo quy định; đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết thì phải kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan, đơn vị cấp trên. Nội dung báo cáo lên cơ quan, đơn vị cấp trên phải khách quan, trung thực.

Câu 52. Mối quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp dưới được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 16 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP quy định quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp dưới như sau:

- Thông báo cho cơ quan, đơn vị cấp dưới những chủ trương, chính sách của Đảng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động và phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị cấp dưới; chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của cơ quan, đơn vị cấp dưới và chịu trách nhiệm về những hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị cấp dưới nếu những hành vi vi phạm này có nguyên nhân từ sự chỉ đạo, hướng dẫn của mình.

- Nghiên cứu, kịp thời giải quyết các kiến nghị của cơ quan, đơn vị cấp dưới; định kỳ làm việc với người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp dưới. Khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp dưới đăng ký làm việc thì phải trả lời cụ thể việc tiếp và làm việc.

- Khi cần thiết, phải cử cán bộ, công chức, viên chức đến cơ quan, đơn vị cấp dưới để trao đổi, nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể của cơ quan, đơn vị cấp dưới; phải xử lý nghiêm khắc những cán bộ, công chức, viên chức báo cáo, phản ánh sai sự thật, không trung thực.

Phần thứ ba
THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ
TẠI NƠI LÀM VIỆC

Câu 53. Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc được áp dụng cho những đối tượng nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 63 Bộ luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc (sau đây gọi là Nghị định số 149/2018/NĐ-CP) thì việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc được áp dụng cho những đối tượng sau:

- Người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Lao động năm 2012 *(là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động)*.

- Doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

- Tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Bộ luật Lao động năm 2012 *(là Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở)*.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định tại Nghị định số 149/2018/NĐ-CP.

Câu 54. Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc phải đảm bảo nguyên tắc nào?

Trả lời:

Điều 3 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP quy định nguyên tắc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc phải đảm bảo nguyên tắc sau:

- Thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai và minh bạch.

- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động và người lao động.

- Thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc nhưng không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Câu 55. Những nội dung nào người sử dụng lao động phải công khai cho người lao động được biết?

Trả lời:

Theo quy định Điều 4 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP thì những nội dung sau người sử dụng lao động phải công khai cho người lao động được biết:

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ, sản xuất, kinh doanh.

- Nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp, thỏa ước lao động tập thể ngành, thỏa ước lao động tập thể khác mà doanh nghiệp tham gia.

- Nghị quyết Hội nghị người lao động.

- Việc trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ do người lao động đóng góp (nếu có).

- Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

- Tình hình thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

Câu 56. Những nội dung nào người lao động được tham gia ý kiến?

Trả lời:

Theo quy định Điều 5 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP thì những nội dung sau người lao động được tham gia ý kiến:

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các văn bản quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động; đề xuất nội dung thương lượng tập thể.

- Đề xuất, thực hiện giải pháp tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.

- Các nội dung khác liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

Câu 57. Người lao động có quyền quyết định những nội dung nào?

Trả lời:

Theo quy định Điều 6 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP thì những nội dung sau người lao động được quyết định:

- Giao kết, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

- Gia nhập hoặc không gia nhập tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.

- Tham gia hoặc không tham gia đình công theo đúng quy định của pháp luật.

- Biểu quyết nội dung thương lượng tập thể đã đạt được theo quy định của pháp luật; biểu quyết nội dung Nghị quyết Hội nghị người lao động.

- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Câu 58. Những nội dung nào người lao động được kiểm tra, giám sát?

Trả lời:

Theo quy định Điều 7 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP thì những nội dung sau người lao động được kiểm tra, giám sát:

- Việc thực hiện hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể.

- Việc thực hiện nội quy lao động, các quy chế và các văn bản quy định khác của doanh nghiệp liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Việc sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ do người lao động đóng góp.

- Việc trích nộp kinh phí công đoàn, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của người sử dụng lao động.

- Việc thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị người lao động.

Câu 59. Trách nhiệm tổ chức đối thoại tại nơi làm việc được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định Điều 8 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP thì việc đối thoại tại nơi làm việc được quy định như sau:

- Đối thoại tại nơi làm việc được thực hiện thông qua việc trao đổi trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động hoặc giữa đại diện tập thể lao động với người sử dụng lao động. Đối thoại tại nơi làm việc được thực hiện định kỳ hoặc khi một bên có yêu cầu.

- Nội dung đối thoại, số lượng, thành phần tham gia đối thoại, thời gian, thời điểm đối thoại, quy trình tổ chức đối thoại thực hiện theo Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của doanh nghiệp.

Nếu thời điểm tổ chức đối thoại định kỳ trùng với thời điểm tổ chức hội nghị người lao động quy định tại Điều 9 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP thì doanh nghiệp không phải tổ chức đối thoại định kỳ.

Câu 60. Trách nhiệm tổ chức hội nghị người lao động được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định Điều 9 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP, trách nhiệm tổ chức hội nghị người lao động được quy định như sau:

- Hội nghị người lao động do người sử dụng lao động và tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở tổ chức thực hiện. Hội nghị người lao động được tổ chức ít nhất một năm một lần.

- Hội nghị người lao động được tổ chức theo hình thức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu.

- Nội dung hội nghị người lao động thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Bộ luật lao động (*gồm: Tình hình sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động; việc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế và cam kết, thỏa thuận khác tại nơi làm việc; điều kiện làm việc; yêu cầu của người lao động, tập thể lao động đối với người sử dụng lao động; yêu cầu của người sử dụng lao động với người lao động, tập thể lao động và nội dung khác mà hai bên quan tâm*).

- Hình thức tổ chức hội nghị, nội dung, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm, quy trình, trách nhiệm tổ chức thực hiện và hình thức phổ biến kết quả hội nghị người lao

động thực hiện theo Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của doanh nghiệp.

Câu 61. Ngoài hình thức đối thoại tại nơi làm việc và hội nghị người lao động thì còn có các hình thức thực hiện dân chủ nào khác không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP thì ngoài hình thức đối thoại tại nơi làm việc và hội nghị người lao động thì còn có các hình thức thực hiện dân chủ khác như:

- Hệ thống thông tin nội bộ
- Hòm thư góp ý kiến.
- Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.
- Các hình thức khác do doanh nghiệp quy định trong Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của doanh nghiệp.

Câu 62. Trách nhiệm ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 149/2018/NĐ-CP thì trách nhiệm ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc được quy định như sau:

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để đảm bảo thực hiện các quy định tại Nghị định này.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc phải có sự tham gia ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và được phổ biến công khai đến người lao động trước khi thực hiện.

MỤC LỤC

Câu hỏi	Nội dung	Trang
	Phần thứ nhất THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN	5
Câu 1	Việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn phải theo nguyên tắc nào?	5
Câu 2	Những hành vi nào bị nghiêm cấm theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn?	5
Câu 3	Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung nào Ủy ban nhân dân cấp xã phải thực hiện công khai?	6
Câu 4	Những nội dung phải công khai được thực hiện bằng hình thức nào?	8
Câu 5	Những nội dung công khai nào được thực hiện bằng hình thức niêm yết và thời gian niêm yết những nội dung đó?	8
Câu 6	Việc công khai trên hệ thống truyền thanh và thông qua Tổ trưởng tổ dân phố để thông báo đến nhân dân được Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định như thế nào?	9

Câu 7	Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gì trong tổ chức thực hiện các nội dung công khai?	10
Câu 8	Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định như thế nào về nội dung và hình thức nhân dân bàn và quyết định trực tiếp?	10
Câu 9	Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định như thế nào về giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp?	12
Câu 10	Những nội dung nào nhân dân được bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định?	13
Câu 11	Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định hình thức Nhân dân bàn, biểu quyết như thế nào?	13
Câu 12	Giá trị thi hành đối với những việc Nhân dân bàn, biểu quyết được Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định như thế nào?	15
Câu 13	Đề hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố được công nhận thì phải làm thế nào?	15
Câu 14	Công tác chuẩn bị hội nghị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quy định như thế nào?	16

Câu 15	Trình tự thực hiện việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quy định như thế nào?	17
Câu 16	Trường hợp kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì phải làm như thế nào?	20
Câu 17	Việc công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ Trưởng tổ dân phố được quy định như thế nào?	21
Câu 18	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được miễn nhiệm trong trường hợp nào? Trình tự, thủ tục miễn nhiệm được quy định như thế nào?	21
Câu 19	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố bị bãi nhiệm trong trường hợp nào?	23
Câu 20	Trình tự hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quy định như thế nào?	24
Câu 21	Việc công nhận kết quả bầu, bãi nhiệm thành viên Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được thực hiện như thế nào theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ xã, phường, thị trấn?	26

Câu 22	Để các quy định của pháp luật về những nội dung Nhân dân bàn và quyết định có hiệu lực và được thực hiện có hiệu quả thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có trách nhiệm như thế nào?	27
Câu 23	Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ xã, phường, thị trấn thì Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm gì trong việc tổ chức thực hiện những nội dung Nhân dân bàn và quyết định?	28
Câu 24	Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung nào được Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định?	29
Câu 25	Theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn thì những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện bằng hình thức nào?	30
Câu 26	Hình thức họp thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện như thế nào?	30
Câu 27	Hình thức phát phiếu lấy ý kiến nhân dân để lấy ý kiến nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện như thế nào?	31

Câu 28	Hình thức lấy ý kiến nhân dân thông qua hòm thư góp ý để lấy ý kiến nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện như thế nào?	32
Câu 29	Việc tiếp thu các ý kiến đóng góp thông qua các hình thức tham gia của nhân dân trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định được thực hiện như thế nào?	33
Câu 30	Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn quy định những nội dung nào nhân dân được giám sát và hình thức để thực hiện việc giám sát của nhân dân được quy định như thế nào?	34
Câu 31	Người dân có được tham gia lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không?	35
Câu 32	Thời hạn lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?	36
Câu 33	Hội nghị lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện như thế nào?	37

	Phần thứ hai THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	39
Câu 34	Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập là gì?	39
Câu 35	Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị nhằm mục đích gì?	40
Câu 36	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm gì trong việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị?	41
Câu 37	Những nội dung, công việc nào được tổ chức tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của cơ quan, đơn vị?	43
Câu 38	Nguyên tắc tổ chức Hội nghị trong cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?	44
Câu 39	Ai là người chủ trì Hội nghị? thành phần tham dự Hội nghị được quy định như thế nào?	45
Câu 40	Công tác chuẩn bị tổ chức Hội nghị trong cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?	46
Câu 41	Công tác tổ chức Hội nghị trong cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?	49
Câu 42	Việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội nghị trong cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?	51

Câu 43	Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị được quy định như thế nào?	51
Câu 44	Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm như thế nào đối với việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị?	52
Câu 45	Những việc gì phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết?	53
Câu 46	Những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức biết được thực hiện bằng hình thức nào?	54
Câu 47	Những việc gì cán bộ, công chức, viên chức được tham gia ý kiến?	55
Câu 48	Cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến bằng hình thức nào?	56
Câu 49	Những việc gì cán bộ, công chức, viên chức được giám sát, kiểm tra?	57
Câu 50	Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện giám sát, kiểm tra bằng hình thức nào?	57
Câu 51	Mối quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp trên được quy định như thế nào?	58
Câu 52	Mối quan hệ giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với cơ quan, đơn vị cấp dưới được quy định như thế nào?	59

	Phần thứ ba THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ TẠI NƠI LÀM VIỆC	
		60
Câu 53	Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc được áp dụng cho những đối tượng nào?	60
Câu 54	Việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc phải đảm bảo nguyên tắc nào?	61
Câu 55	Những nội dung nào người sử dụng lao động phải công khai cho người lao động được biết?	61
Câu 56	Những nội dung nào người lao động được tham gia ý kiến?	62
Câu 57	Người lao động có quyền quyết định những nội dung nào?	63
Câu 58	Những nội dung nào người lao động được kiểm tra, giám sát?	63
Câu 59	Trách nhiệm tổ chức đối thoại tại nơi làm việc được quy định như thế nào?	64
Câu 60	Trách nhiệm tổ chức hội nghị người lao động được quy định như thế nào?	65
Câu 61	Ngoài hình thức đối thoại tại nơi làm việc và hội nghị người lao động thì còn có các hình thức thực hiện dân chủ nào khác không?	66
Câu 62	Trách nhiệm ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc được quy định như thế nào?	66

Chịu trách nhiệm xuất bản

ĐỖ THỊ VIỆT HÀ

Giám đốc Sở Tư pháp

Chịu trách nhiệm nội dung

LÊ ANH TUẤN

Phó Giám đốc Sở Tư pháp

Biên soạn

NGUYỄN THỊ LOAN

Trưởng phòng Phổ biến giáo dục pháp luật -

Sở Tư pháp

In 1.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm

Tại Công ty TNHH Tính toán, In và Thương mại Bắc Giang
Số 22, đường Ngô Văn Cảnh, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang

Giấy phép xuất bản số: 43/GP-STTTT ngày 04/6/2020

Do Sở TT&TT tỉnh Bắc Giang cấp

In xong và nộp lưu chiểu năm 2020.